Quyển 43 (Kinh số 1164 - 1177)

Kinh Tạp A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

QUYỂN 43 1281

QUYỂN 43 1164. DO ÁI ĐAN DỆT1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Uyển, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo nhóm họp ở giảng đường rồi bàn luận như vầy: Các Tôn giả! Như Thế Tôn nói Kinh Đê-xá-di-đức-lặc thưa hỏi. ở phẩm Ba-la-diên như vầy:1 2 Người biết hai cực đoan, Khoảng giữa không dính mắc, Gọi là Đại trượng phu, Không đoái hoài năm dục, Không phiền não gông cùm, Thoát ưu phiền đan dệt. Các Tôn giả! Đây có nghĩa gì? Thế nào là cực đoan? Thế nào là hai cực đoan? Thế nào là khoảng giữa? Thế nào là đan dệt? Thế nào là tư duy, dùng trí mà biết, dùng liễu tri mà liễu tri, biết điều cần biết rồi, liễu tri điều cần liễu tri rồi thì vượt thoát khổ đau? Có người trả lời: r y

Sáu căn là cực đoan thứ nhát, sáu trân là cực đoan thứ hai, thọ là khoảng giữa, ái là đan dệt. Do ái3 đan dệt nên thân duyên vào chỗ này chỗ kia, dần dần tăng trưởng rồi được sanh thành.4 Đối với điều này, nếu dùng trí mà biết, dùng liễu tri mà liễu tri, biết điều cần biết rồi, liễu tri điều cần liễu tri rồi thì vượt thoát kho đau. Lại có người nói: Đời quá khứ là cực đoan thứ nhất, đời tương lai là cực đoan thứ hai, đời hiện tại gọi là khoảng giữa, ái là đan dệt. Do ái đan dệt nên thân duyên vào chỗ này chỗ kia, dần dần tăng trưởng rồi được sanh thành... (cho đến) vượt thoát khổ đau.

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1164. 0310b20). Tham chiếu: A. 6.61 - m. 399. 2 Ba-la-diên Đê-xả-dỉ-đức-lặc sở ():Những câu hỏi của Đê-xá-di-đức-lặc (Tissametteyyamānava puccha)^ trong phàm Ba-la-diên (Parāyanā). Tham chiêu: A. 6.61 - III. 399: Thế Tôn đa nói như sau trong "Con đường đến bờ bên kia" trong câu hỏi của Metteyya (HT. Thích Minh Châu dịch). 3 Nguyên tác: Thọ ().A. 6.61 - III. 399: Tanhā (ái). Bản dịch hiệu chú theo bản Pali.

4 Nguyên tác: Tập ư thọ giả, đắc bỉ bỉ nhân thân, tiệm chuyển tăng trưởng xuất sanh ( )• Ả. 6.61 - III. 399: Tanhā hỉ nam sibbati tassa tasseva bhavassa abhinibbattiyā (Ái là người thợ dệt; vì rằng ái dệt nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này), HT. Thích Minh Châu dịch.

1282 KINH TẠP A-HÀM

Lại có người nói: Cảm thọ lạc là cực đoan thứ nhất, cảm thọ khổ là cực đoan thứ hai, không khổ không lạc là khoảng giữa, ái là đan dệt. Do ái đan dệt nên thân duyên vào chỗ này chỗ kia, dần dần tăng trưởng rồi được sanh thành... (cho đến) vượt thoát khổ đau. Lại có người nói: Hữu là cực đoan thứ nhất, sự tập khởi là cực đoan thứ hai, thọ là khoảng . r : 7 giữa, ái là đan dệt... (cho đên) vượt thoát khô đau. Lại có người nói: Thân là cực đoan thứ nhất, sự tập khởi của thân là cực đoan thứ hai, ái là r L

đan dệt... (cho đên) vượt thoát khô đau. Lại có người nói: Những điêu chúng ta đưa ra không đông nhát, dân đên có nhiêu thuyêt khác nhau, không mong gì hiểu rõ. Trong Kinh Đê-xả-di-đức-lặc thưa hỏi, phẩm Ba-la-diên? Thế Tôn có chỉ dạy thêm gì không?

Chúng ta nên đến chỗ Thế Tôn để thưa hỏi, rồi chúng ta sẽ phụng trì theo lời Thế Tôn dạy. Thế rồi những vi Tỳ-kheo ấy cùng đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Vừa rồi các Tỳ-kheo nhóm họp ở giảng đường, bàn luận như vầy^ "Trong Kỉnh Đê-xá-di-đức-lặc thưa hỏi, phẩm Ba-la-diên, Thế Tôn có nói về hai cực đoan, (cho đến) vượt thoát khổ đau.99 Có người nói rằng: uSáu căn là cực đoan thứ nhất, sáu trần là cực đoan thứ hai, thọ là khoảng giữa, ái là đan dệt.y (nói đây đủ như trên). Chúng con không thê quyêt định được, nên hôm nay cùng nhau đến thưa hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Trong chúng con, ai là người hiểu đúng nghĩa ấy? Phật nói với các Tỳ-kheo: Những gì các thầy nói đều đúng. Nay Ta sẽ nói thêm cho các thầy nghe về điều còn lại trong kinh ấy. Trong Kinh Đê-xá-di-đức-lặc thưa hỏi. phẩm Ba-la-diên, Ta còn có nói như vầy: Xúc là cực đoan thứ nhất, sự tập khởi của xúc là cực đoan thứ hai, thọ là khoảng giữa, ái là đan dệt. Do ái đan dệt nên thân duyên vào chỗ này chỗ kia, rồi duyên với xúc mà tăng trưởng rồi được sanh thành. Đối với điều này, nếu dùng trí mà biết, dùng liễu tri mà liễu tri; biết điều cần biết rồi, liễu tri điều cần liễu tri rồi thì vượt thoát khổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

QUYỂN 43 1283

1165. TÔN GIẢ TÂN-ĐẦU-LÔ5 Tôi nghe như vay: Một thời, Tôn giả Tân-đầu-lô6 ngụ tại vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu- diệm-di.7 Bấy giờ, có vua nước Bà-tha tên Ưu-đà-diên-na8 đến chỗ Tôn giả Tân-đầu- 16, thăm hỏi nhau xong, vua ngồi sang một bên rồi thưa với Tôn giả: Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Ton gia Tan-dau-lo đáp: Đại vương cứ hỏi, nếu biết thì tôi sẽ trả lời. Vua Ưu-đà-diên-na nước Bà-tha hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô: Do nhân gì, duyên gi mà các Tỳ-kheo trẻ tuổi xuất gia chưa lâu trong giáo pháp, được sông rát an ôn, các căn tươi vui, dung mạo thanh tịnh, da dẻ tươi sáng, ưa thích tĩnh lặng, sông đời thong dong, tâm tính chát phác, có thê trọn đời tu trì Phạm hạnh, thuần nhất thanh tinh? Ton gia Tan-dau-lo đáp: Theo như lời Phật, đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết vì các Tỳ-kheo mà dạy rằng: "Này các Tỳ-kheo! Nếu gặp người nữ lớn tuổi thì hãy nghĩ như mẹ mình, gặp người ngang hàng thì hãy nghĩ như chị em mình và gặp người nhỏ hơn thì hãy nghĩ như con gái mình. Do nhân duyên này nên Tỳ-kheo trẻ tuổi xuất gia chưa lâu trong giáo pháp của Phật, được sống rất an ổn, các căn tươi vui, dung mạo thanh tịnh, da dẻ tươi sáng, ưa tĩnh ít động, thong dong sinh song, tâm tính chất phác, có the trọn đời tu trì Phạm hạnh, thuần nhất thanh tịnh.^, Vua Ưu-đà-diên-na nước Bà-tha lại hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô: Ngày nay người thê gian tâm đây tham câu. Dù gặp người lớn hơn nghĩ như mẹ5 gặp người ngang hàng nghĩ như chi em, gặp người nhỏ hơn nghĩ như con gái, nhưng ngay lúc ấy tâm cũng duyên theo, khởi lên ngQĩi lửa tham dục, sân hận và si mê thì cân phải có nhân duyên thù thăng nào đê vượt qua? Tôn giả Tân-đầu-lô nói với Vua Ưu-đà-diên-na nước Bà-tha: - Còn có nhân duyên này, như lời Thế Tôn, đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết, Ngài đã dạy các Tỳ-kheo rằng: "Thân này từ chân đến đỉnh đầu chỉ là một bộ xương được bồi đắp bởi thịt, rồi được bao bọc bằng lớp da mỏng, trong đó chứa đầy những thứ bất tịnh; quán sát toàn thân chỉ là các thứ như: Tóc, lông, móng, răng, chát bân, nước dãi,

da, thịt, xương trăng, gân, mạch, tim, gan, phổi, lá lách, thận, ruột, dạ dày, ruột non, ruột già, bàng

5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.1165. 03 lla03. Tham chiếu: s. 35.127 - IV. no. 6 Tân-đầu-lô ,Pindola. 7 Nguyên tác: Câu-diệm-di quốc Cù-sư-la viên Kosambī Ghositārāma. 8 Ưu-đà-diên-na ,Udena.

quang, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước bọt, mỡ, mỡ chài, tủy, đàm lỏng, đàm đặc, mủ, máu, não, dịch, phân, nước tiểu.”9 Này Đại vương! Do nhân duyên này mà Tỳ-kheo trẻ tuôi xuất gia chưa lâu trong giáo pháp, được sông an ôn, (cho đến) thuần nhất thanh tịnh. Vua Ưu-đà-diên-na nước Bà-tha lại hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô: -Tâm người hay rong ruôi? đôi khi quán bát tịnh lại duyên theo tưởng vê tịnh. Vậy còn có nhân duyên nào nữa khiến cho Tỳ-kheo trẻ tuổi xuất gia chưa lâu trong giáo pháp này, được sông an ôn? (cho đên) thuân nhát thanh tịnh chăng? Ton giả Tan-dau-lo đáp: Này Đại vương! Còn có nhân duyên này, như lời Thê Tôn, đang Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết, Ngài đã dạy cho các Tỳ- kheo rằng: uCác thầy phải nên hộ trì sáu căn,1011khéo nhiếp tâm mình. Khi mắt thấy sắc, chớ nắm giữ tướng của sắc, chớ nắm giữ tướng riêng tốt đẹp11 mà tăng thêm đắm trước. Nếu không thúc liễm nhãn căn thì những pháp ác, bất thiện, tham ái nơi thê gian sẽ nhiêm vào tâm mình. Do đó các thây phải giữ gìn và phòng hộ nhãn căn. Tai nghe tiêng, mũi ngửi mùi, lưỡi nêm vị9 thân xúc chạm và ý biết pháp cũng lại như thế, (cho đến) giữ gìn và phòng hộ ý căn.^, Bấy giờ, Vua Ưu-đà-diên-na nước Bà-tha nói với Tôn giả Tân-đầu-lô: Lành thay! Tôn giả thật khéo nói pháp... (cho đến) giữ gìn và phòng hộ ở các căn. Thưa Tôn giả Tân-đâu-lô! Trâm cũng như the, đoi khi không họ trì thân, không giữ gìn và phòng hộ ở các căn5 không chuyên tâm nhất niệm, khi vào cung thì tâm trẫm sanh khởi ngọn lửa tham dục, ngọn lửa ngu si; hay dẫu ở một mình trong phòng yên tinh cũng vẫn bị ba độc kia thiêu đốt tâm minh, huống gì là vào trong cung! Còn khi trẫm khéo hộ trì thân mình, khéo thu nhiếp các căn, chuyên tâm nhát niệm thì khi vào cung sẽ không bị tham dục, sân hận và si mê dấy khởi thiêu đốt tâm mình. Khi vào trong cung vẫn không bị ba độc thiêu đốt thân tâm, huống gì một mình ở nơi yên tịnh! Vậy nên mới biết, có nhân này, duyên này, khiến cho Tỳ-kheo trẻ tuổi xuất gia chưa lâu trong giáo pháp này, được sống an ổn5 thuần nhất thanh tinh. Bấy giờ, Vua Ưu-đà-diên-na nước Bà-tha nghe Tôn giả Tân-đầu-lô nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi hồi cung.

9 Nguyên tác] Phát, mao, trảo, xỉ, trần cấu, lim tiên, bì, nhục, bạch cốt, cân, mạch, tâm, can, phế, tỳ, thân, tràng, đỗ, sanh tạng, thục tạng, bào, lệ, hãn, thế, mạt, phương, chi, tủy, đàm, âm, nùng, huyết, não, c^p,thUich (;;M,,lí,,ừ, l, ii,
::;ỉ. 10 Nguyên tác: Căn môn ().Sáu căn như là cánh cửa,
nơi đó xuất ra nhiều phiền não, nhập vào nhiều vọng trần nên gọi la "căn môn.,, 11 Nguyên tác: Mạc thủ sắc tướng, mạc thủ tùy hình hảo ().s. 35.127 - IV. 110:
Cakkhunā rūparn disvā mã nimittaggāhino ahuvattha, mānubyañjanaggāhino (Sau khi mắt thây sắc, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ co nắm giữ tướng riêng), HT. Thích

Minh Chau dịch.

QUYỂN 43 1285

1166. VÍ DỤ VỀ TAY CHÂN12 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la5 thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Vì có tay nên biêt có năm buông, vì có chân nên biêt có tới lui, vì có khớp xương nên biết có co duỗi, vì có bụng nên biết có đói khát. Cũng vậy, này Tỳ- kheo! Vì có mắt nên có sự tiếp xúc của mắt làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo! Nếu không có tay thì không biết nắm buông, nếu không có chân thì không biết tới lui, nếu không có khớp xương thì không biết co duỗi, nếu không có bụng thì không biết đói khát. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Nếu không có mắt thì không có sự tiếp xúc của mắt làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. *** 1167. VÍ DỤ CON RÙA13 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu-diệm-di. , Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Vào thời quá khứ, có một con rùa sống trong đám cỏ ven sông. Bấy giờ, CÓ con dã can đói khát đi tìm thức ăn, từ xa nhìn thây rùa, nó vội nhảy tới vô lấy. Con rùa thấy thế liền thu dầu, đuôi và bốn chân vào trong mai. Dã can đứng rình, chờ rùa thò đầu hoặc chân ra là bắt ăn thịt. Rình rập rất lâu mà rùa nhất định không thò đầu ra, cũng không thò chân ra, dã can đói quá nên tức giận bỏ đi. Này các Ty-kheo! Ngày nay các thầy cũng phải như vậy. Nên biết Ma Ba- tuần luôn rình rập, tìm sơ hở của các thầy, chờ đợi khi mắt tiếp xúc với sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhớ pháp thì xúi giục các thầy sanh tâm đắm nhiễm sáu trần. Do đó, này các Ty-kheo! Hằng ngày các thầy hãy luôn giữ gìn và phòng hộ nhãn căn. Khi đã giữ gìn và phòng hộ nhãn căn rồi thì Ác ma Ba-tuần sẽ không có cơ hội để nương vào hoặc sai khiến.14

12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02.0099.1166.03 llb26. Tham chiếu: s. 35.236-237 - IV. 171. 13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.1167. 0311c09. Tham chiếu: s. 35.240 - rv. 177. 14 Nguyên tác: Tùy xuất, tùy duyên .Xuất dùng ương nghĩa sai sử .Duyên dùng theo nghĩa nương vào, như chư "y"ở bài kệ cuối kinh. s. 35Ī240 - IV. 177 diễn đạt có sự khác biệt: Atha tumhehipi māro pāpimā nibbijja pakkamissati Ac ma nhàm chán các ông và sẽ bỏ đi, không nắm giữ được cơ hội, HT. Thích Minh Châu dịch.

1286 KINH TẠP A-HÀM

Đối với tai, mũi? lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Đối với sáu căn, Ác ma cũng không có cơ hội để nương vào hoặc để sai khiến, giống như con dã can không thể tìm được cơ hội nơi con rùa. Bây giờ? The Ton liên noi kê: Rùa vì sợ dã can, Giấu mình vào trong mai, Tỳ-kheo khéo nhiếp tâm, Giấu kín các giác tưởng, Không nương, không sợ hãi, Giấu tâm, chớ nói năng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

1168. VÍ DỤ BÓ LÚA15 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu-diệm-di. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo. Ví như bó lúa đặt ở ngã tư đường, có sáu người đàn ông khỏe mạnh câm chày cùng giã đập, một lát thì nó nát vụn, roi người thứ bảy câm chày giã tiêp. Này các Ty-kheo! Ý các thầy thế nào? Bó lúa đó bị sáu người đập rồi người thứ bảy giã nữa thì nó sẽ nát vụn phải không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo! Cũng thê, người ngu si thường bi sáu xúc nhập xứ đuôi đánh. Những gì là sáu? Đó là nhãn xúc nhập xứ thường đuổi đánh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ cũng thường đuổi đánh. Người ngu si kia, tuy bị sáu xúc nhập xứ đuổi đánh vẫn còn ý niệm mong cau tái sanh ở đời vị lai thì cũng giống như bó lúa nát vụn bi người thứ bảy đập giã tiếp vậy. Này các Tỳ-kheo! Nếu nói là ngã, đó là dao động; nói là ngã sở, đó là dao động; vi lai sẽ hiện hữu, đó là dao động; vị lai sẽ không hiện hữu, đó là dao động; sẽ có sắc, đó là dao động; sẽ không có sắc, đó là dao động; sẽ có tưởng, đó là dao động; sẽ không có tưởng, đó là dao động; sẽ chẳng phải có tưởng chẳng phải không tưởng, đó là dao động. Vì dao động nên bệnh, vì dao động nên ung nhọt, vì dao động nên đau nhức, vì dao động nên dính mắc. Nếu chân chánh quán sát vì dao động nên có kho thì sẽ được tâm không dao động, lại an trụ tu tập thuần thục và chánh niệm tỉnh giác. Giống như sự dao động, sự suy nghĩ hư vọng cũng như vậy, có hành là do có ái. Nêu nói có ngã, đó là do ái; nói có ngã sở, đó là do ái; nói có tương lai,

15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1168. 0311c27). Tham chiếu: s. 35.248 - IV. 201.

đó là do ái; nói không có tương lai, đó là do ái; cho rằng có sắc, đó là do ái; cho rằng không có sắc, đó là do ái; cho rằng có tưởng, đó là do ái; cho rằng không có tưởng, đó là do ái; cho rằng chẳng phải có tưởng cũng chẳng phải không có tưởng, đó là do ái. Vì ái nên bi bệnh, vì ái nên bị ung nhọt, vì ái nên bị đau nhức. Khéo tư duy quán sát do ái nên sanh ra khổ đau như thế sẽ xa lìa tâm ái, được chánh niệm tỉnh giác. Này các Tỳ-kheo! ở thời quá khứ, a-tu-la đem quân gây chiến với Đế- thích. Khi ấy, vua trời Đế-thích bảo chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba rằng: "Hôm nay, chúng ta chiên đâu với a-tu-la, nêu chư thiên thăng, a-tu-la thua thì hãy bắt song vua a-tu-la9 lấy dây trói chặt cả năm phần thân thể16 rồi đem về thiên cung." Vua a-tu-la cũng nói với quân mình: "H6m nay, chúng ta đem quân đánh với chư thiên, nếu a-tu-la thắng, chư thiên thua thì hãy bắt sống vua trời Đế- thích, lấy dây trói chặt cả năm thân phần rồi đem về cung a-tu-la." Thế là, hai bên đánh nhau, cuối cùng chư thiên thắng, a-tu-la thua. Bấy giờ, chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba bắt sống được vua a-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la9 lấy dây trói chặt cả năm thân phần rồi áp giải về thiên cung. Bấy giờ, vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la thân bị trói chặt năm thân phần rồi bị đưa vào điện Chánh Pháp và cho thụ hưởng năm dục lạc của chư thiên. Khi ấy, vua a-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ rằng: "Chí có a-tu-la là hiền thiện và thông tuệ, còn chư thiên thì chỉ có hiền thiện mà thôi. Nay ta muốn được trở về cung a-tu-la." Khi đang nghĩ thê, vua a-tu-la cảm thây thân mình càng bị trói chặt cả năm thân phần và năm dục của chư thiên tự nhiên biến

mất. Thế là, vua a-tu-la lại nghĩ: “Chu thiên hiền thiện và trí tuệ thông đạt, còn a-tu-la chỉ có hiên thiện, nay ta sẽ ở lại cung trời này." Khi đang nghĩ như thê thì vua cảm thấy thân mình được cởi trói cả năm thân phần và năm dục của chư thiên tự nhiên xuất hiện trở lại. Vua a-tu-la Tỳ-ma-chât-đa-la tuy bị trói kỹ lưỡng như thê nhưng Ma Ba-tuần trói càng chặt hơn. Khi tâm ta dao động thì ma liền theo đó mà trói chặt, tâm ta không dao động thì ma liền theo đó mà tháo gỡ. Do đó, này các Tỳ-kheo! Các thày hãy thường trụ tâm không dao động, chánh niệm tỉnh giác, cân phải học tập như thê! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

16 Nguyên tác: Phược dĩ ngũ hệ ():Trói 5 chỗ, gồm cổ, 2 tay và 2 chân. s. 35.248 - IV. 201: Kanthapañcamehi bandhanehỉ baddho hoti (trói 2 tay, 2 chân và thứ năm là cô), HT. Thích Minh Châu dịch.

1288 KINH TẠPA-HÀM

1169. VÍ DỤ CÂY ĐÀN17 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu-diệm-di. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nếu có Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào khi mắt nhận biết sắc18 làm nhân duyên sanh ra hoặc dục, hoặc tham, hoặc dính mắc, hoặc nhớ nghi, rồi quyết định đắm trước vào đó thì phải khéo tự phòng hộ đoi với những tâm này. Vì sao như thế? Vì những tâm này đều dẫn đến con đường sợ hãi, có chướng ngại, có hoạn nạn, đây là chỗ nương tựa của người ác, chẳng phải chỗ nương tựa của người thiện. Do đó hãy nên tự mình phòng hộ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Ví như người nông phu có đám lúa tốt, nếu người giữ ruộng lười biếng, buông lung thì trâu sẽ vào ăn hết lúa mạ. Phàm phu mê muội cũng như vậy. Sáu xúc nhập xứ... cho đến buông lung cũng lại như thế. Nếu ruộng lúa tốt, người giữ ruộng không buông lung, lơ đễnh thì trâu không vào phá được, giả sử nó có vào thì cũng bi đuổi ra. Nghĩa là tâm, ý và thức của vị Thánh đệ tử đa văn phải khéo tự nhiếp hộ đối với năm dục, dốc hết lòng để được tịch lặng. Đôi với ruộng lúa tót, người giữ ruộng không buông lung, khi vừa thây trâu đi vào ruộng lúa, liền dùng tay trái kéo dây mũi, tay phải cầm roi đánh vào thân trâu, đuôi ra khỏi ruộng. Này các Tỳ-kheo! Các thây nghĩ sao? Khi con trâu kia đã bị đánh đau thì trên đường từ làng về nhà, từ nhà ra làng, nó có còn dám ăn lúa mạ như trước nữa không? Các Tỳ-kheo đáp: - Không dám, bạch Thế Tôn! Vì sao như thế? Vì nó luôn nhớ trận đòn đau trên ruộng lần trước. Đức Phật dạy: Cũng vậy, Tỳ-kheo! Nếu tâm, ý hay thức của vi Thánh đệ tử đa văn biết khởi nhàm chán và lo sợ đoi với sáu xúc nhập xứ thì nội tâm được an trụ, được chế ngự, đưa đến nhất tâm. Này các Tỳ-kheo! Thời quá khứ, có ông vua nghe được tiếng đàn tuyệt hay mà trước giờ chưa từng nghe, cho nên khởi tâm vô cùng thích thú, mê đắm, liền hỏi các vi đại thần rằng: "B6 là âm thanh gì mà đáng mê thích đến vay?" Đại thần tâu rằng: “E6 là tiếng dàn.” Vua bảo đại thần: "Hãy đem âm thanh ấy đến dây." Đại thần vâng lời, liền đem cây đàn đến tâu: "Tâu Đại vương! Chính cây đàn này phát ra âm thanh rất hay ấy." Vua bảo: “Ta không cần cây đàn, hãy

17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.1169. 0312bl6. Tham chiếu: s. 35.246 - IV. 195. 18 Các bản Tống ,Nguyên ,Minh và Thánh ghi: Nhãn thức sắc .

đem âm thanh hấp dẫn mà ta vừa nghe được đến đây thôi?9 Đại thần tâu: “Bại vương! Cây đàn này phải hội đủ nhiều thứ khác nữa, nghĩa là phải có thêm bộ chỉnh dây, lược đàn, cần đàn, dây đàn, thùng đàn, phím đàn và người đàn giỏi. Hội đủ những nhân duyên ấy mới có thể phát ra âm thanh, nếu không hội đủ các thứ ấy thì không thể có âm thanh. Tiếng đàn mà Bệ hạ nghe trước đây đã trôi qua lâu rồi, đã biến chuyển, đã không còn, không thể đem đến đây được?5 Bấy giờ, nhà vua suy nghĩ rồi nói rằng: "Ôi! cần gì vật hư dối ấy! Cây đàn ở the gian là vật hư doi mà lại khiến cho bao người say mê đam trước như thế. Bây giờ, các khanh hãy chẻ nó ra từng mảnh rồi ném khắp noi." Các đại thần vâng lệnh, liền chẻ chiếc đàn ra trăm mảnh rồi đem quăng nó khắp nơi. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Các thầy nên biết rõ những pháp như sắc, thọ, tưởng, tư, dục là vô thường, hữu vi, do tâm làm nhân duyên sanh mà lại cho rằng đó là ngã, là ngã sở. ở thời điểm khác, những thứ đó thảy đều là không. Này các Tỳ-kheo! Hãy khởi chánh trí đúng đắn như thế mà quán sát như thật. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

1170. LUẬT NGHI19 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu-diệm-di. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kneo: Như người bi bệnh hủi, tay chân lở loét, nếu đụng vào cỏ tranh sẽ bị những lá nhọn đâm chích gây thương tích thì càng thêm đau đớn. Cũng thế, phàm phu mê muội chịu những thống khổ với sáu xúc nhập xứ cũng lại như vậy. Như người hủi kia bị lá cỏ tranh đâm chích tổn thương, máu mủ chảy ra. Cũng thế, phàm phu mê muội, tánh tình thô bạo xấu xa, khi sáu xúc nhập xứ tiếp xúc thì nổi sân hận, thốt ra lời ác, như người hủi kia. Vì sao như thế? Vì hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên tâm như phong hủi. Nay Như Lai sẽ nói về có luật nghi và không luật nghi. Thế nào là có luật nghi và thế nào là không luật nghi? Với hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, khi mắt thấy sắc rồi, với sắc đáng nhớ thì khởi tham đắm, với sắc không đáng nhớ thì khởi sân hận. Từ đây lần lượt sanh khởi những tư duy phân biệt20 tương tục, không thấy lỗi lầm, hoặc có thấy lỗi lầm cũng không từ bỏ được. Đối với tai, mũi? lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Này các Tỳ-kheo! Đây gọi là không luật nghi.

19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1170. 0312c24). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.38.8. Ỏ723C06); s. 35247 IV. 198. 20 Nguyên tác: Giác tưởng (),tức là tư duy, phân biệt.

Thế nào gọi là luật nghi? Vi Thánh đệ tử đa văn khi mắt thấy sắc, với sắc đáng nhớ, vi ấy không khởi tham dục, với sắc không đáng nhớ cũng không khởi sân hận, không lần lượt khởi những tư duy phân biệt tương tục, thấy được tai họa của sắc, thấy tai họa của sắc rồi thì có thể xả ly. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đây gọi là luật nghi. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

1171. SÁU SINH VẬT21 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la? thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như có người đi vào trong một căn nhà trống và bắt được sáu con vật. Đầu tiên người này bắt được con chó, liền đem nó buộc vào một nơi. Ke đến bắt được con chim, rồi lần lượt bắt được rắn độc, dã can, cá sấu22 và con khỉ. Mỗi con vật này đều bi buộc ở một nơi. Trong sáu con vật này, chó thì muôn chạy vê làng, chim thì muốn bay lên bầu trời, rắn thì muốn vào hang, dã can thì muốn đên bãi tha ma, cá sâu thì muôn vào biên, còn con khỉ thì muôn vê rừng. Sáu sinh vật này bị buộc chung một nơi nhưng sở thích không giống nhau. Mỗi loài đêu muôn tìm vê chô an ôn của riêng mình, không con nào thích bị trói ở chô khác. Do bị trói nên đã găng sức vùng vây đê tìm vê nơi mình ưa thích, nhung chúng vẫn không có cách gì thoát ra được. Cũng vậy, sáu căn đều có cảnh giới riêng, mỗi căn đều muốn tìm cầu cảnh giới ưa thích của mình, chứ không ưa cảnh giới khác: Như mắt luôn tìm đến sác đẹp, nêu săc không đẹp thì sẽ nhàm chán. Tai luôn tìm câu âm thanh đáng yêu, nếu âm thanh không đáng yêu thì sẽ nhàm chán. Mũi thường tìm cầu mùi thơm đáng yêu, nếu mùi không đáng yêu thì sẽ nhàm chán. Lưỡi thường tìm cầu vi ngon, nếu vị không ngon thì sẽ nhàm chán. Thân luôn tìm cầu xúc chạm dễ chiu, nếu không dễ chịu thì sẽ nhàm chán. Ý thường tìm đến các pháp đáng yêu, nếu pháp không đáng yêu thì sẽ nhàm chán. Sáu căn này có nhiều hành xứ, cảnh giới riêng biệt, căn này không tìm đến cảnh giới của căn khác. Sáu căn này có đủ năng lực tự do cảm nhận cảnh giới của mình. Giống như người kia, buộc chặt sáu sinh vật vào cây cột bền chắc, giả sử chúng có dùng sức để chạy thoát theo ý mình thì cũng bị níu lại, chỉ chuốc thêm mệt nhọc, vì đã bị buộc chặt, mãi dính nơi cây cột.

21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1171. 0313al4). Tham chiếu: Tăng.(r02. 0125.38.3. Ỏ723C06); s. 35247 - III. 198; s. 48.7 - III. 195. 22 Nguyên tác: Thất-thâu-ma-la (‚sumsumāra): Con cá sấu.

QUYỂN 43 1291

Này các Tỳ-kheo! Như Lai nói ví dụ đó là muốn để các thầy hiểu rõ nghĩa này: Sáu sinh vật là dụ cho sáu căn, cây cột là dụ cho thân niệm xứ. Nấu khéo tu tập thân niệm xứ và khi có niệm rồi, không còn nhớ nghĩ đến sắc, thấy sắc đáng yêu không khởi tâm đắm trước, với sắc không đáng yêu cũng không nhàm chán. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vi, thân xúc chạm, ý tiếp pháp, dù đáng yêu cũng không tìm cầu, hoặc không đáng yêu cũng không sanh tâm nhàm chán. Do đó, này các Tỳ-kheo! Phải siêng năng tu tập và tu tập thuần thục về thân niệm xứ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1172. VÍ DỤ GIỎ RẮN Độc23 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la9 thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như có bốn con rắn độc hung dữ, nọc độc cực mạnh và bi nhốt chung trong một cái giỏ. Bây giờ, có một người thông minh, trí tuệ5 chán khô câu vui, mong cầu sự sống, nhàm chán sự chết. Lúc ấy, có một người khác nói với anh ta rằng: "Này anh! Hãy giữ cái giỏ nhót răn độc này, siêng năng lau chùi, tăm rửa, gân gũi chăm sóc, cho chúng ăn uống, ra vào đúng giờ. Nếu để bốn con rắn độc này thoát ra thì rất nguy hại, nó sẽ cắn anh chết hoặc

gần như chết. Anh nên đề phòng !,9 Khi ấy, anh ta nghe nói thì hoảng sợ bỏ chạy. Lại nghe người kia nói:24 "C6 năm kẻ oán, cầm dao đuổi theo, muốn giết hại anh. Anh hãy đề phòng!95 Trong lúc anh ta đang bỏ chạy vì sợ bốn con rắn độc và năm kẻ thù cầm dao rượt đuổi lại nghe người kia nói: "Này anh! Bên trong còn có sáu tên giặc đang rình rập, nêu có cơ hội, chúng sẽ giêt anh. Anh hãy cân thận!^, Bấy giờ, anh ta vì sợ bốn con rắn độc, năm kẻ oán thù cầm dao, với sáu tên giặc bên trong, nên kinh hãi bỏ chạy vào trong một ngôi làng vắng. Tại đây, anh ta thấy một căn nhà trống mục nát sắp sập, trong nhà đó lại có những vật dụng hư xấu, đụng đến sẽ đổ vỡ, không có gì chắc thật.

23 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.1172. 03l3bl4). Tham chiếu: Tăng.(r 02. 0125.31.6. Ò669c02); s. 35238 -IV. 172. 24 Nguyên tác không có 4 chữ: Nhân phục ngữ ngôn ().Bản dịch bổ sung do căn cứ vào đoạn kinh sau để văn mạch liền lạc.

Lại nghe người kia nói: “Này anh! Đây là thôn xóm vắng vẻ, sẽ có bọn cướp đến giết hại anh." Khi ấy, anh ta vì sợ bốn con rắn độc, năm kẻ thù cầm dao, sáu tên cướp bên trong và một bọn cướp trong thôn vắng, nên anh ta tiếp tục chạy. Chợt gặp một con sông lớn chăn ngang đường, sông sâu nước xiêt. Anh ta cảm thây bờ bên này có quá nhiều hiểm nguy, đáng sợ, còn bờ bên kia an ổn hân hoan và mát mẻ, không có cảnh đáng sợ nhimg lại không có cầu hay thuyền để qua được bờ kia. Anh ta suy nghĩ: “Ta hãy lấy cây và cỏ kết thành một chiếc bè, dùng tay chân làm mái chèo để qua bờ bên kia." Thế là anh ta liền gom cây và cỏ bên bờ sông kết lại thành chiếc bè, dùng tay chân làm chèo vượt dòng để qua sông. Như vậy, người này thoát khỏi bôn con răn độc, năm kẻ thù câm dao, sáu tên giặc ác bên trong và bọn giặc nơi thôn xóm vang, vượt qua sông sâu, bỏ lại những sợ hãi ở bờ bên này, đến được bờ bên kia an ổn hân hoan. Này các Tỳ-kheo! Ta nói ví dụ đó là để giải thích nghĩa này: Cái giỏ là dụ cho sắc thân bốn đại thô phù. Thân thể bốn đại này do tinh cha huyết mẹ tạo thành, được nuôi dưỡng bởi thức ăn tạp uế, được tắm rửa và che đậy bởi y phục. Đó đều là những pháp vô thường, mong manh, biến hoại. Bốn con rắn độc là dụ cho bon đại đất, nước, gió, lửa. Nêu như địa đại xung đột thì có the làm cho thân này chết, hoặc là gần như chết. Nếu nước, lửa, gió xung đột thì cũng lại như thế. Năm kẻ thù cầm dao rượt đuổi là dụ cho năm thủ uẩn. Sáu tên giặc ác bên trong là dụ cho sáu ái hỷ. Bọn cướp nơi thôn vắng là dụ cho sáu căn. Này các Tỳ-kheo!2526 Hãy quán sát sáu căn là pháp vô thường biến hoại, 27 những yếu tố duy trì nhãn căn cũng là pháp vô thường, giả dối. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn cũng giống như vậy. Bọn cướp nơi xóm vắng là dụ cho sáu trần. Mắt bị sắc đẹp hoặc xấu làm hại; tai đối với tiếng, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đôi với xúc, ý đôi với pháp hoặc vừa ý hoặc không vừa ý làm hại. Dòng nước chảy xiết dụ cho bốn lưu là dục lưu,26 hữu hru,27 ki&n lưu28 và vô minh lưu.29 Con sông dụ cho ba ái là dục ái, sắc ái và vô sắc ái.30 Bờ bên này nhiều nỗi sợ hãi là dụ cho thân này. Bờ bên kia an ổn hân hoan là dụ cho Vô dư

25 Nguyên tác: Thiện nam tử .Trong ngữ cảnh này, dịch giả chọn từ "Tykheo" phù hợp hơn. 26 Dục lưu kāmaogha còn gọi là "dịic bạo lưu." Những "tư hoāc?, như tham, sân... trói buộc khiến chúng sanh trôi lăn trong Dục giới nêĩi gọi là 44dục

lưu." 27 Hữu lưu ,bhavogho còn gọi là "hữu bạo lưu" "Hữu" nghĩa là nhân quả không mất; Tưu" là trôi mãi không dừng. Đó là những phiền não trong sắc giới và Vô sắc giới, bao hàm t4kiến hoāc?, và “v6 minh hoặ.” J J 28 Kiến lưu ditthogha. Do "kiếĩi hoặc" mà lưu chuyển trong ba cõi không thể thoát ra nên gọi “kiến lưu" ' 29 Vô minh lưu ,avijjogho. Vô minh là thứ phiền não khiến chúng sanh trôi lăn ương biển sanh tử không cùng tận. J 30 Dục ái, sắc ái và vô sắc ái ,:Tham đắm 5 dục, gọi là dục ái. Tham đắm cõi sắc từ trời Phạm Chúng đến trời sắc Cứu Cánh gọi là sắc ái. Tham đắm COI Vô sắc gọi là vô sắc ái.

QUYỂN 43 1293

Niết-bàn.31 Chiếc bè là dụ cho tám chi Thánh đạo. Tay chân làm phương tiện vượt dòng bơi qua sông là dụ cho tinh tấn dũng mãnh đến bờ kia. Trụ xứ của Bà-la-môn là dụ cho Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác. Như vậy, này các Tỳ-kheo! Đại sư đã từ bi an ủi đệ tử. Những điều cần làm Như Lai đã làm xong, nay các thầy cũng phải nên làm những điều cần làm. Hãy đến những nơi thanh vắng, hoặc nơi cội cây hay trong phòng xá thanh tịnh, trải cỏ làm tòa, hoặc chỗ đất trống hay chốn gò mả, ngồi yên buông bỏ, tinh tấn thiên định, chớ có buông lung mà vê sau hôi hận! Đây là giáo pháp mà Như Lai đã truyền dạy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1173. PHÁP KHỔ3233 34 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la5 thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Vị Thánh đệ tử đa văn thấy biết như thật về sự tập khởi, sự diệt tận5 vị ngọt, tai họa và sự xuất ly đôi với tát cả pháp khô; thây năm dục giông như hâm lửa. Sau khi quán sát năm dục như the roi, đoi với năm dục, dục tham,33 dục ái,34 dục niệm,35 dục dính mắc36 vĩnh viễn không còn che lấp tâm. Khi biết rõ mọi hành động37 và tru xứ38 của dục tâm rồi thì tự mình phòng hộ. Khi đã phòng hộ hành xứ và trú xứ rồi thì nhờ vào sự phòng hộ hành xứ và trú xứ đó mà những tham muôn, ưu phiên, những pháp xâu, bát thiện không còn lọt vào tâm. Thế nào gọi là vị Thánh đệ tử đa văn thấy biết như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vi ngọt, tai họa và sự xuất ly đối với tất cả pháp khổ? Nghĩa là vi Thánh

31 Vô dư Niết-bàn .Tăng.7.02. 0125.16.2. 0579al7 định nghĩa: Thế nào gọi là cảnh giới Vô dư Niết-bàn? Đó là, vị Tỳ-kheo dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, tự thân tác chứng rồi tự an trú và biết như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa. Đó gọi là cảnh giới Vô dư Niết-bàn .ĩ
B:,,,.Đạitrỉđọ luận T.25. i 509.031. 0288c06 bổ sung: Thân ngũ uẩn của bậc Thánh trongđời hiệntạiđược đoạn tnr, lại không tiếp tục thọ thân nữa nên gọi là Vô dư Niết-bàn .A. 7.55 - IV. 70 gọi là Niết-bàn không còn chấp thủ Anupādāparinibbāna,. 32 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. B T.02. 0099.1173. 0314a02. Tham chiếu: s. 35.244 - IV. 188. 33 Nguyên tác: Tham kāmacchandd'. Dục vọng. 34 Dục ái ,kãmasnehà: Sự yêu mến. 35 Dục niệm kãmamucchã'. Yêu thương say mê. 36 Dục trước :Thương yêu quấn quýt

không rời. s. 35.244 - IV. 188: KãmaparỉḶãha Thương yêu mãnh liệt, còn gọi là 4tdục nhiệt nỗk". 37 Hành xử .S. 35.244 - IV. 188: Cara Hành động, cử động, sự tiến hành. 38 Trú xứ vihārā'. Nơi cư ngụ.

đệ tử đa văn biết như thật đây là Thánh đế về khổ, biết như thật đây là Thánh đế về nguyên nhân của khổ, đây là Thánh đế về khổ diệt và đây là Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Đây gọi là vi Thánh đệ tử đa văn thấy biết như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai họa và sự xuất ly đối với tất cả pháp khổ. Thê nào gọi là vị Thánh đệ tử đa văn thây năm dục như hâm lửa, (cho đên) những tham muốn, ưu phiền, những pháp ác, bất thiện ở thế gian vĩnh viễn không còn che đậy tâm? Ví như gần một thôn xóm nọ có một cái hầm, dưới hầm có lửa lớn nhưng không có khói. Bấy giờ, có một người nam không ngu si, thông minh trí tuệ, ưa vui, chán khổ, ham sống, sợ chết. Anh ta nghĩ rằng: "d đây có cái hầm sâu đang có lửa lớn, nếu ta rơi xuống chắc chắn sẽ chết." Nghĩ vậy rồi, người ấy lập tức tránh xa, nghĩ đên việc tránh xa, muôn tránh xa. Cũng thê, vị Thánh đệ tử đa văn thấy năm dục như hầm lửa,... (cho đến) những tham muốn, ưu phiền, những pháp ác, bất thiện ở thế gian vĩnh viễn không còn che đậy tâm. Nấu như mọi hành động và trú xứ đã được phòng hộ trước, được biết trước, (cho đến) những tham muốn, ưu phiền, những pháp ác, bất thiện ở thế gian không còn lọt vào tâm nữa. Ví như gân một thôn xóm nọ có một cánh rừng nhiêu cây gai nhọn, lúc ây có người đàn ông đi vào rừng này mưu tính làm ăn. Khi vào trong rừng, anh ta nhìn thấy bốn phía và trên dưới đều có gai nhọn. Bấy giờ, anh ta chánh niệm bước đi, chánh niệm tới lui, chánh niệm nhìn rõ, chánh niệm nhìn thẳng, chánh niệm khom người xuổng. Vì sao như vậy? Vì không đê gai nhọn đâm vào thân mình. Vị Thánh đệ tử đa văn cũng giống như vậy, nương vào thành ấp, thôn xóm trú ngụ, sáng sớm đắp y, ôm bát vào làng khất thực phải khéo gìn giữ thân, nhiếp hộ tâm, chánh niệm an trú, chánh niệm bước đi, chánh niệm nhìn rõ và chánh niệm quan sát. Vì sao như vậy? Vì không để cho gai nhọn làm thương tổn đến giáo pháp và giới luật của bậc Thánh. Thế nào là gai nhọn làm thương tổn đến giáo pháp và giới luật của bậc Thánh? Nghĩa là sắc vừa ý? đáng ưa, đáng nhớ, đó gọi là gai nhọn làm thương tổn đến giáo pháp và giới luật của bậc Thánh. Thế nào là sắc vừa ý9 đáng ưa, đáng nhớ, lại làm thương tổn đến giáo pháp và giới luật của bậc Thánh? Nghĩa là năm loại dục, mắt thấy sắc sanh tâm yêu mến, nhớ nghĩ, nuôi lớn dục lạc; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị? thân tiếp xúc sanh ra ưa thích, nghĩ nhớ, nuôi lớn dục lạc. Đây gọi là sắc đáng yêu, đáng nhớ nghĩ làm thương tổn đến giáo pháp và giới luật của bậc Thánh. Đó gọi là vị Thánh đệ tử đa văn khéo phòng hộ và biết trước mọi hành động và trú xứ?... (cho đen) không để những tham muốn, ưu phiền, những pháp ác, bất thiện ở thế gian lọt vào tâm. Hoặc khi vị Thánh đệ tử đa văn mất chánh niệm, sanh niệm ác, bất thiện, nuôi lớn tham dục, nuôi lớn sân hận và nuôi lớn si mê, đó là hàng căn tánh chậm

lụt. Thánh đệ tử đa văn này tuy có khởi chánh niệm nhưng liền diệt mất, vì bi dục che lấp. Giống như nhỏ vài giọt nước lên hòn sắt nóng, nước liền khô, với hàng đệ tử căn

tánh chậm lụt tuy có lúc chánh niệm, nhưng liền diệt mất cũng y như vậy. Vi Thánh đệ tử đa văn thực hành như vậy, an trú như vậy. Nếu quốc vương hay đại thần hoặc quyến thuộc đến chỗ họ? dùng bổng lộc để mời mọc: "Này thiện nam! Can gì phải cạo bỏ râu tóc, ôm bình bát đất, mặc áo càsa, đi xin ăn từng nhà? Sao không an ổn hưởng thụ năm dục, rồi bố thí làm phu&c?" Thế nào, này các Tỳ-kheo? Quốc vương, đại thần, các quyến thuộc và đàn-việt dùng bổng lộc đến mời thỉnh như vậy thì vị Thánh đệ tử đa văn kia có bi thoái thất mà hoàn giới không? Các Tỳ-kheo đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì sao như vậy? Vì Thánh đệ tử đa văn đã thấy biết như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vi ngọt, tai họa và sự xuất ly đối với tát cả pháp khô, đã thây năm dục như hâm lửa, (cho đên) những tham muôn, ưu phiền, những pháp ác, bất thiện ở the gian vĩnh viễn không còn che đậy tâm; mọi hành xứ và trụ xứ đã được phòng hộ trước, được biết trước,... (cho đến) những tham muốn, ưu phiền, những pháp ác, bất thiện ở thế gian không còn lọt vào tâm. Do đó, nêu chỉ vì quôc vương, đại thân hay quyên thuộc dùng bông lộc mời thỉnh mà khiến vi ấy thoái thất, hoàn giới thì không bao giờ có. Phật bảo các Tỳ-kheo: - Lành thay! Lành thay! Vị Thánh đệ tử đa văn kia từ lâu tâm đã nghiêng về, xuôi về5 trôi về, hướng về viễn ly, hướng đến lìa dục, hướng đến Niết-bàn tịch tĩnh, xả ly, vui trong Niết-bàn, mọi phiền não đã được tịch diệt, thanh lương. Vì vậy, nếu quốc vương, trưởng giả hay thân quyến dùng bổng lộc mời thỉnh mà muốn vị ấy thoái thất, xả giới hoàn tục thì không bao giờ có! Họ chỉ chuốc thêm khổ nhọc. Ví như sông Hằng luôn hướng về? xuôi về, chảy về phương Đông mà có nhiều người ngăn chặn muốn cho hướng về, xuôi về, chảy về phương Tây thì có được không? Các Tỳ-kheo đáp: - Không thể được, bạch Thế Tôn! Vì sao như vậy? Vì sông Hằng luôn luôn chảy về phương Đông mà muốn chảy về phương Tây thì không thể được, những người kia sẽ luống chịu khổ nhọc! Cũng thế, Thánh đệ tử đa văn từ lâu tâm đã nghiêng vê, xuôi vê5 trôi vê? hướng vê viên ly,... (cho đêri) muôn vị ây thoái thất là điều không thể được, họ chỉ luống chiu khổ nhọc mà thôi. e x

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành.
***

1174. KHÚC GỖ TRÔI SÔNG39 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại xứ Atỳ-xà, bên bờ sông Hằng. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, đứng sang một bên và bạch: Lành thay! Thưa Thế Tôn! Xin Ngài hãy vì con mà nói pháp. Sau khi nghe xong, con sẽ một mình ở nơi thanh vắng, tinh cần tư duy, siêng năng tu tập, bởi lý do mà một người thiện nam cạo bỏ râu tóc, với niềm tin chân chánh, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo, tu hành Phạm hạnh là để ngay trong hiện tại tự mình chứng biêt: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Bấy giờ, Thế Ton nhìn ra sông Hằng, thấy một khúc cây lớn đang trôi theo dòng nước, Ngài liền nói với vị Ty-kheo: Thầy có thấy khúc cây đang trôi theo dòng nước sông Hằng không? Bạch Thế Tôn! Con có thấy! Phật bảo Tỳ-kheo: -Khúc cây lớn đó nếu không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không chìm xuống đáy sông, không bị mắc ở cù lao, không bi cuốn vào nước xoáy,

không bị người vớt lên, không bị phi nhân giữ lại, cũng không bị mục nát thì nó sẽ theo dòng nước, xuôi theo, trôi theo dòng nước mà ra biển lớn phải không? Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Phật bảo: Tỳ-kheo cũng như the! Nấu không vướng bờ bên này, kh6ng vướng bờ bên kia, không chìm xuống dáy, không bi mắc ở cù lao, không bi cuôn vào dòng nước xoáy, không bị người vớt, không bị phi nhân giữ lại, cũng không bị mục nát thì sẽ hướng về, xuôi về, chảy về Niết-bàn. Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, thế nào là bờ bên này? Thế nào là bờ bên kia? Thế nào là chìm xuồng đáy? Thê nào là bi mác ở cù lao? Thê nào là bị cuôn vào dòng nước xoáy? Thế nào là bị ngươi vớt? Thế nào là bị phi nhân giữ lại? Thế nào là mục nát? Lành thay, bạch Thê Tôn! Cúi xin Ngài giảng rộng cho con. Sau khi nghe xong, con sẽ một mình ở nơi thanh vắng, tinh cần tư duy, siêng năng tu tập,... (cho đên) tự biêt không còn tái sanh. Phật bảo Tỳ-kheo: Bờ bên này chỉ cho sáu căn. Bờ bên kia là sáu trần. Bi người vớt là Tỳ- kheo hay gân gũi với người thế tục hoặc tụ tập với người xuất gia, cùng sống

39 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02. 0099.1174. 0314c07). Tham chiếu: Tăng.(r02. 0125.43.3. Ỏ758C12); s. 35241 - IV. 179.

và chia sẻ với nhau, hoặc sướng, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc buồn. Đó gọi là bị người vớt. Bị phi nhân giữ lại, nghía là như có người phát nguyện tu tập Phạm hạnh răng: “Nay ta giữ giới, khô hạnh, tu các Phạm hạnh để mong được sanh lên cõi tròd.” Đó là bị phi nhân giữ lại. Bị cuốn vào dòng nước xoáy, nghĩa là tâm thoái thất, xả giới hoàn tục. Bị mục nát, tức là ví như người phạm giới, làm những việc ác, bất thiện, thối nát, ít học, như loài cỏ độc hại, hoặc như tiếng thổi của tù và, họ không phải Sa-môn mà làm ra vẻ giống Sa-môn, không có Phạm hạnh mà làm ra vẻ giống Phạm hạnh. Như thế, này Tỳ-kheo! Đó gọi là không vướng bờ bên này, bờ bên kia,... (cho đến) chảy về Niết-bàn. Bây giờ, Tỳ-kheo kia sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ5 đảnh lễ Phật va lui ra. Roi Tỳ-kheo ây một mình ở nơi thanh văng, tư duy vê Kỉnh khúc gô trôi sông mà Phật đã dạy,... (cho đen) tự biết không còn thọ thân sau, chứng quả A-la-hán. Lúc ấy, cách chỗ Phật không xa, có một người chăn bò tên là Nan-đồ đang cầm roi chăn bò. Sau khi vị Tỳ-kheo đã đi rồi, người chăn bò đến chỗ Phật, cúi đàu đảnh lễ chân Ngài rồi đứng sang một bên và bạch: Bạch Thế Tôn! Hiện tại con có thể không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không bi chìm xuống đáy, không mắc ở cù lao, không bi người vớt, không bị phi nhân giữ, không bị cuốn vào dòng nước xoáy và cũng không bị mục nát. Vậy con có được xuất gia tu Phạm hạnh trong Giáo pháp và Giới luật của Thế Tôn chăng? Phật hỏi: Con dẫn bò ve trả lại cho chủ chưa? Người chăn bò thưa: Bạch Thế Tôn! Trong bầy bò có con đầu đàn có thể dẫn cả bầy về, không cần con dẫn. Xin Thế Tôn cho con xuất gia học đạo. Phật bảo: Tuy đàn bò có thể tự về nhà, nhimg con đã nhận cơm nước, y phục của người chủ, con phải về báo cho chủ biết. Người chăn bò nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ lễ Phật ra về. Người chăn bò đi chưa được bao lâu, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong hội chúng bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Người chăn bò kia muốn xin xuất gia, sao Thế Tôn lại bảo trở về nhà?

Phật bảo Xá-lợi-phất: Nếu người chăn bò Nan-đồ trở về nhà chỉ để hưởng thụ năm dục, đó là việc không bao giờ có. Sau khi giao bò lại cho chủ rồi, Nan-đồ sẽ trở lại trong giáo pháp này để xuất gia học đạo, tịnh tu Phạm hạnh,... (cho đên) tự biêt không còn thọ thân sau và chứng A-la-hán. Bấy giờ, Nan-đồ giao đàn bò lại cho chủ rồi trở lại chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, đứng sang một bên và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Con đã giao đàn bò lại cho chủ, xin Ngài cho con xuất gia học đạo trong Giáo pháp và Giới luật này. Phật bảo Nan-đồ: Con được ở trong Giáo pháp và Giới luật này xuất gia học đạo, thọ Cụ túc giới, trở thành Tỳ-kheo! Sau khi xuất gia rồi, Nan-đồ tư duy về lý do mà một người thiện nam cạo bỏ râu tóc? mặc áo cà-sa? với niềm tin chân chánh, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, tu hành Phạm hạnh,... (cho đến) tự biết không còn tái sanh, chứng A-la-hán. ***

1175. CÂY KHẢN-THÚ40 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vi Tỳ-kheo ngồi thiền tại nơi thanh vắng, khởi lên suy nghĩ: C6Tỳ-kheo thấy như thế nào, biết như thế nào để được cái thấy thanh tjnh?” Suy nghĩ như thế rồi, Tỳ-kheo liền đi đến chỗ các Tỳ-kheo thưa rằng: -Thưa các Tôn giả! Tỳ-kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để được cái thấy thanh tịnh? Tỳ-kheo đáp: -Thưa Tôn giả! cần phải thấy biết như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai họa và sự xuất ly đối với sáu xúc nhập xứ. Này Tỳ-kheo! Biết như vậy, thấy như vậy sẽ được cái thấy thanh tịnh. Tỳ-kheo này nghe Tỳ-kheo kia nói như thế thì tâm không hoan hỷ, liền đi đến Tỳ-kheo khác hỏi: Thưa các Tôn giả! Tỳ-kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để được cái thấy thanh tịnh?

40 Tjra đề đát ặeo nội dung kinh. TạpM (7.02. 0099.1175. 0315b07). Tham chiếu: s. 35.245 - IV. 191. Khận-thú ()hay khân-thúc-ca ()12 phiên âm từ kimsuka, Hán dịch là unhục sắc hoa", một loài cây đặc biệt, có hoa màu đỏ cong cong^như mỏ chim anh vu, có ten gọi khoa học là Butea Fondosa. ơ Việt Nam gọi là cây giêng giêng hoặc giêng giêng, lâm vô, chan một hột.

QUYỂN 43 1299

Tỳ-kheo ấy đáp: Biêt như thật vê sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai họa và sự xuất ly đôi với sáu xúc nhập xứ. Như vậy, Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy sẽ được cái thấy thanh tịnh. Khi ây? Tỳ-kheo này nghe vị ây nói như thê tâm cũng không hoan hỷ, lại đến Tỳ-kheo khác nữa hỏi: -Tỳ-kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để được cái thấy thanh tịnh? Tỳ-kheo ấy đáp: -Đôi với năm thủ uân phải quán sát như bệnh tật, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, là pháp vô thường, khổ, không, vô ngã. Biết như thế, thấy như thế sẽ được cái thấy thanh tịnh. Tỳ-kheo này nghe các Tỳ-kheo nói như vậy tâm cũng không hoan hỷ, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: Bạch Thế Tôn! Con một mình ở chỗ vắng tư duy rằng: 6íTỳ-kheo biết thế nào, thấy thế nào để được cái thấy thanh tjnh?” Sau khi nghĩ như thế, con đến hỏi các Tỳ-kheo... Tỳ-kheo ấy đem ba lần hỏi đáp trình lên đầy đủ với Thế Tôn, rồi thưa tiếpỵ Con nghe những vi ấy nói nhxmg không hoan hỷ, nên con đến chỗ Thế Tôn để thỉnh hỏi nghĩa này: 6íTỳ-kheo biết thế nào, thấy thế nào để được cái thấy thanh tjnh?“ Phật bảo Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, có một người chưa từng thấy cây

khẩn-thú, liền tìm đến người đã từng thấy cây khẩn-thú và hỏi: "Anh có biết cây khẩn-thú kh6ng?" Đáp: “Biết!” Lại hỏi: "Hinh dạng của nó thế nào?" Đáp: "N6 có màu đen như cây cột bị cháy." Vì khi người kia nhìn thấy thì cây khẩn-thú có màu đen như cây cột bị cháy. Bây giờ, người đàn ông ây nghe nói cây khân-thú có màu đen như cây cột bị cháy thì không vui, liền đi đến người khác đã từng thấy cây khẩn-thú và hỏi: "Ông có biết cây khẩn-thú kh6ng?” Người kia đáp: “Biết!" Lại hỏi: "Hinh dạng của nó thế nào?" Người từng thấy cây khẩn-thú đáp: "N6 có màu đỏ mà lộ ra như thớ thjt."4i Vì khi người kia nhìn thấy thì cây khẩn-thú trông giống như một thớ thịt. Người đàn ông này nghe thế thì không vui, liền đi hỏi một người đã từng thấy cây khẩíi-thú khác: "Ông có biết cây khẩn-thú kh6ng?" Người kia đáp: "Biết!"

41 Khẩn-thú còn được dịch là "nhqc sắc hoa".

Lại hỏi: "Hinh dạng của nó thế nào?" Đáp: "Thân của nó rủ xuống sum suê như quả thi-lợi-sa/942 Người đàn ông này nghe rồi tâm cũng không vui, lại đi hỏi người khác nữa: “Ong có biết cây khẩn-thú kh6ng?" Đáp: “Biết!” Lại hỏi: "Hinh dạng của nó thế nào?" Người kia trả lời: "Lá của nó màu xanh, trơn láng, dài rộng như cây Ni-câu-lâudf”43 J Giống như người hỏi về cây khẩn-thú5 rồi nghe trả lời mà không vui nên đi khắp nơi để tìm hỏi thêm, tuy nhiên những người đã từng thay cây khẩn-thú kia cứ y cứ theo thời điểm mình thấy mà trả lời, cho nên không ai trả lời giống ai. Cũng vậy, các Tỳ-kheo một mình ở nơi thanh văng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, nhờ có tư duy nên không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát, nên tùy theo chỗ thay của họ mà trả lời. Nay thầy hãy nghe Như Lai nói thêm ví dụ này nữa, người trí nhờ nghe ví dụ mà hiểu được ý nghĩa. Ví như có một quốc vương thống lãnh ở vùng biên cương, khéo sửa tri thành quách, cửa thành vững chắc, đường sá bằng phẳng, nơi bốn cửa thành có bốn người canh gác đều là người thông minh trí tuệ, biết rõ mọi sự đi lại. Trong thành này, giữa bốn giao 10, có đặt một tòa tháp, vi chủ thành ngồi trên tòa tháp đó. Nếu có sứ giả từ phương Đông đến hỏi người giữ cổng thành: "Chủ thành ở dau?99 Người giữ cửa liền trả lời: “d trong thành, đang ngồi trên tòa tháp ở ngã tư đường." Vị sứ kia liền đi đến chỗ vị chủ thành nhận lãnh những lời chỉ bảo rồi theo lối cũ đi về. Những sứ giả từ phương Nam, Tây, Bắc đến cũng hỏi người giữ cổng: "Chil thành ở đâu?^ Những người giữ cổng thành đáp: "d trong thành, đang ngồi trên tòa tháp ở ngã tư đường.,, Các sứ giả liền đi đến chỗ vị chủ thành, nhận lời chỉ bảo rồi mỗi người trở về chỗ cũ của mình. Phật bảo Tỳ-kheo: Như Lai nói ví dụ này để nói lên ý nghĩa: Thành là dụ cho sắc thân thô kệch này,...nói như Kỉnh ví dụ giỏ rắn độc.42 44 Khéo sửa tri thành quách cho 43 vững chắc là chỉ cho chánh kiến. Đường sá bằng phẳng là sáu nội nhập xứ. Bốn cửa chỉ cho bốn nơi ý thức trú ngụ.45 Bốn người giữ cổng chỉ cho bốn niệm xứ.

42 Thi-lợi-sa Sinsa. 43 Ni-câu-lâu-đà ,Nigrodha: Cây đa Ấn Độ, còn gọi là cây Banyan. 44 Xem kinh số 1172. 45 Tứ thức trụ catasso viññānatthitiyci còn gọi "tứ thức xứ", chỉ cho 4 uẩn là sắc, thọ, tưởng và hành, nơi an trú của ý thức.

Chủ thành chỉ cho thức thủ uẩn. Sứ giả là chánh quán. Nói lời đúng sự thật là bốn chân đế. Theo lối cũ trở về là tám chi Thánh đạo. Phật bảo Tỳ-kheo: Như vị Đại sư vì đệ tử làm những việc cần làm, nay Như Lai đã làm, vì lòng thương xót,... (nói giong như Kinh vỉ dụ giỏ rắn độc).46 Sau khi nghe Phật dạy xong, Tỳ-kheo chuyên cần tư duy, không buông lung, tiến tu Phạm hạnh,... (cho đến) không thọ thân sau và chứng quả A-la-hán.
***

1176. PHÁP HỮU LẬU, VÔ LẬU47 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hành trong dân chúng họ Thích, ngụ tại vườn Ni-câu- luật-đà5 thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ. Bay giờ, những người họ Thích trong thành Ca-tỳ-la-vệ vừa mới xây xong một ngôi giảng đường, chưa có vị Sa-môn, Bà-la-môn? thiếu niên dòng họ Thích-ca hay người dân nào đến ở đó, khi nghe Thế Tôn du hành trong dân chúng họ Thích, ở thành Ca-tỳ-la-vệ, ngụ trong vườn Ni-câu-luật-đà và đang giảng vê ý nghĩa khô vui, họ bàn với nhau: Giảng đường này vừa mới khánh thành, chưa có ai ở, chúng ta nên thỉnh Thế Tôn và đại chúng về đây để cúng dường sẽ được phước đức vô lượng, an ổn lâu dài, rồi sau đó chúng ta mới tùy nghi sử dụng. Sau khi thảo luận xong, họ cùng nhau ra khỏi thành, đi đến chỗ Thế Tôn, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì những người họ Thích mà diễn nói pháp trọng yếu. Sau khi mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ48 xong, Ngài ngồi yên lặng. Khi ấy, những người họ Thích đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, gối phải quỳ sát đất và chắp tay thưa: Kính bạch Thế Tôn! Chúng con là những người dòng họ Thích, vừa mới xây một giảng đường, chưa có ai ở. Hôm nay, chúng con thỉnh Thế Tôn và đại chúng đến giảng đường mới, để chúng con được cúng dường. Kính mong Thế Tôn thọ nhận cho chúng con được công dức, phước lợi lâu dài an ổn, sau đó chúng con sẽ tùy nghi sử dụng. Lúc ấy, Thế Ton im lặng nhận lời. Khi biết Thế Tôn đã nhận lời, những người họ Thích liền cúi đầu lễ chân Phật rồi trở về. Cũng trong ngày đó, họ dùng xe chở đồ đạc đến trang hoàng giảng đường mới, trải sàng tọa và cỏ mịn

46 Kinh số 1172. 47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh.?.(T.02. 0099.1176. 0316a09). Tham chiếu: s. 35.243 - IV. 182. 48 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (,).Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(r02. 0099.92. 0023cl8).

trên đất, thắp đèn dầu thơm đầy đủ. Khi mọi việc đã sửa soạn xong, họ đến chỗ Phật, cúi đầu bạch rằng: Kính bạch Thế Tôn! Mọi việc đã chuẩn bị xong rồi, mong Ngài biết cho. Bấy giờ, Thế Tôn và đại chúng tuần tự đi đến giảng đường mói, đứng bên ngoài rửa chân xong rồi bước vào. Thế Tôn an tọa ở vi trí trung tâm, mặt hướng về phía Đông. Ke tiếp, các Tỳ-kheo cũng rửa chân xong, lần lượt vào giảng đường, ngồi quay mặt hướng về phía đức Phật. Bấy giờ, những người họ Thích cũng ngồi xuống sau các Tỳ-kheo để nghe Phật thuyết pháp. Bấy giờ, Thế Tôn vì những người dòng họ Thích mà giảng rộng pháp trọng yếu, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ xong, sau đó Thế Tôn bảo những người dòng họ Thích: -Này những người họ Thích!49 Đầu đêm đã

qua, bây giờ các vị có thể trở về Ca-tỳ-la-vệ. Khi ấy, những người dòng họ Thích nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi ra về. Bấy giờ, Thế Tôn biết những người họ Thích đã đi rồi, liền bảo Đại Mục- kiền-liên: Thây hãy thuyêt pháp cho các Tỳ-kheo nghe! Như Lai đau lưng, muôn nghỉ một lát. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lăng vâng lời. Bấy giờ, Thế Tôn xếp y uất- đa-la thành bốn lớp trải ra lót nằm và cuốn y Tăng-già-lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, buộc niệm vào tưởng ánh sáng50 và nghĩ đến lúc thức dậy. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: Pháp mà Phật đã giảng phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, nghĩa lý tốt đẹp, câu chữ chính xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch. Nay tôi sẽ nói về pháp hữu lậu và vô lậu. Các thầy hãy lắng nghe! Thế nào là pháp hữu lậu? Hạng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, khi mắt thây sác, đôi với sác đáng nhớ thì khởi lên ưa đăm, đôi với sác không đáng nhớ thì khởi lên chán ghét, không an trụ vào thân niệm xứ, không có chút trí tuệ nào đối với tâm giải thoát và tuệ giải thoát, lại khởi các thứ pháp ác, bất thiện, không diệt trừ hoàn toàn, không vĩnh viễn đoạn sạch. Đối với tai, mũi, lưỡi,

49 Nguyên tác: Cù-đàm dòng họ Gotama, chỉ cho những người họ Thích.
5\Nguyen tác: Hệ niệm minh tướng .Cú ngữ này còn được viết "'hệ niệm minh tuang,? .Minh tưởng hay còn gọi là "quang minh tu&ng"ālokasaññā,
tức lấy các loại ánh sáng làm đê mục tu tap, tập trung tư tưởng trên đó. Vì hôn trầm có tính chất mê mờ uê oải, nên dùng tương ánh sáng để đối trị. Xem thêm Trưởng lão Thượng tôn thụy miên kinh .0l. 0026.83. 0560a0l: Này Đại Mục-kiền-liên!
Nếu chứng buồn ngủ không thể chấm dứt thì thầy hãy trở vào thất, gấp y Uu-đa-la-tăn^ làm bốn rồi trải lên giường, gấp y Tăng-già-lê làm gối, nam nghiêng hông ben phải, hai chân xép chồng lên nhau, tâm khởi tương nơi ánh sáng, an tru trong tỉnh giác chánh niệm, luôn khởi tưởng muốn thức dậy.

QUYỂN 43 1303

thân, ý cũng lại như thế. Tỳ-kheo nào như thế, Thiên ma Ba-tuần sẽ đến chỗ họ đe dò xét chỗ sơ suất, đối với mắt và sắc của họ mà có chỗ sai lầm sẽ bi Ma bắt giữ. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị9 thân xúc chạm, ý biết pháp cũng lại như thế, nếu có chỗ sai lầm sẽ bị ma bắt giữ. Giống như đống cỏ khô mà nổi lửa đốt cả bốn bên thì trong chốc lát sẽ cháy hết. Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với mắt và sắc nếu như có chỗ sơ suất, Thiên ma Ba-tuần sẽ nam bắt được. Tỳ-kheo như vậy là không vượt qua sắc. Đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vi, thân xúc chạm, ý tiếp pháp, bi pháp chế phục, không vượt qua pháp. Do không vượt qua sắc, không vượt qua âm thanh, mùi thơm, vị ngọt, xúc chạm và pháp, cũng lại không vượt qua ý? cho nên bị các điều bất thiện, các phiền não, kho báo thiêu đốt,... (cho đen) sanh, già, bệnh, r . e _ • • chét ở đời tương lai. Này các Hiên giả! Tôi đích thân lãnh thọ được các pháp hữu lậu này từ đức Thế Tôn, đây gọi là Kinh nói về pháp hữu lậu. Thế nào là Kinh nói về pháp vô lậu? Vị Thánh đệ tử đa văn khi mắt thấy sắc thì không khởi tâm ưa đắm đối với sắc đáng nhớ, cũng không khởi tâm chán ghét đối với sắc không đáng nhớ, buộc niệm an tru, biết như thật về tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lượng. Những pháp ác, bất thiện đã

khởi kia bị trừ diệt hoàn toàn. Đôi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thê. Tỳ-kheo nào giống như thế, dù Ma Ba-tuần có đến chỗ họ để dò xét chỗ sơ suất của vi ây đôi với măt và sc, cũng không thê tìm được. Đôi với tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vi, thân xúc chạm, ý tiếp pháp mà dò xét chỗ sơ suất, cũng không tìm được. Giông như tòa nhà có tường vách kiên cô, cửa ngõ nhiêu lớp đóng kín, dù cho bôn phía có lửa cháy cũng không thê cháy ngôi nhà được. Những Tỳ-kheo này cũng lại như thế, Tệ ma Ba-tuần dù có đến chỗ họ để dò xét chỗ sơ suất, [cũng] không thể tìm được. Tỳ-kheo như vậy tức là đã vượt qua săc ây, không bị sác ây chê phục; vượt qua được thanh, hương, vị, xúc và pháp, không bị những pháp ấy chế phục. Nêu đã vượt qua được sác, thanh, hương, vị, xúc và pháp roi thì cũng vượt qua những pháp ác, bất thiện và khổ báo phiền não thiêu đốt,... (cho đen) sanh, già, bệnh, chết ở đời tương lai. Tôi đích thân lãnh thọ pháp này từ đức Thế Tôn, đây gọi là Kinh nói vê pháp vô lậu. Bấy giờ, Thế Tôn biết Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thuyết pháp xong, Ngài thức dậy ngồi ngay thẳng, buộc niệm trước mặt và nói với Đại Mục-kiền-liên: Lành thay! Lành thay! Mục-kiền-liên! Thầy đã thuyết giảng kinh pháp này cho mọi người, làm lợi ích cho mọi người, giúp nhiều người được độ, được an lạc lâu dài, lợi lạc cho chư thiên và loài người. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Các thầy nên lãnh thọ và giữ gìn Kỉnh pháp hữu lậu và vô lậu này, đồng thời giảng rộng cho người khác nghe. Vì sao như vậy? Vì kinh này nghĩa lý

đầy đủ, pháp hạnh đầy đủ, Phạm hạnh đầy đủ, khai mở Thần túc, hướng thẳng đến Niết-bàn; (cho đến) người thiện nam phát khởi lòng tin, tại gia hay xuất gia cũng nên thọ trì đọc tụng và giảng nói cho người khác nghe. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1177. SÔNG TRO51 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như có một dòng sông tro, hai bên bờ sông rất nóng và có nhiều gai nhọn, lại J ở nơi rát u tôi. Có nhiêu tội nhân bị. cuôn trôi trong dòng sông 9 ây. Trong đó, có một người không ngu si, thông minh trí tuệ, ưa vui chán khô, ham sống sợ chết, khởi nghĩ rằng: "Nay ta sao lại trôi dạt trong dòng sông tro này, hai bên bờ nóng bức, lại nhiều gai nhọn và tối tăm như vầy? Bây giờ, ta sẽ dùng chân tay làm phương tiện để bơi ngược dòng đi lên.,, Dần dần thấy được chút ánh sáng, người ây lại nghĩ: "Nay đã chợt thây chút ánh sáng kia r6i", nên lại vận dụng chân tay, tinh tấn nỗ lực bơi lên thì thấy được đất bằng, liền leo lên đứng trên mặt đất và quan sát xung quanh, rồi anh ta lại thấy một ngọn núi đá r 9 y • lớn vững chác, không hang ô? không nứt bê, liên leo lên ngọn núi đó. Đứng trên núi, anh ta lại thấy một nguồn nước trong xanh, mát mẻ chia làm tám vị là mát lạnh, ngon ngọt, nhẹ nhàng, êm diu, thơm tho, trong sạch, khi uống không nghẹn, không trở ngại nơi cô họng. Người ây liên xuống dòng sông đê uông nước hoặc tam gội và không còn nóng bức. Sau đó, người ây leo lên một ngọn núi lớn và được nhìn thây bảy loài hoa đẹp, đó là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-dàm-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Phân-đà- lợi? hoa Tu-kiên-đề, hoa Di-ly-đầu-kiên-đề? hoa A-đề-mục-đa, hương thơm ngào ngạt. Rồi người

ấy lại leo lên núi đá thấy một tòa nhà có bốn bậc cấp liền ngồi lên đó; lại thấy giữa năm cột trụ có một chiếc màn trướng, anh ta liền vào trong đó5 giữ thân ngồi ngay thẳng, nơi đây có đủ các thứ gối, mền, hoa rải cùng khắp, trang nghiêm đẹp đẽ, tự do nằm, ngồi, gió mát bốn bề? thân thể an ổn. Ngồi trên cao, người ấy nhìn xuống và cất tiếng gọi lớn: "Hỡi các chúng sanh, các Hiền giả trong sông tro! Con sông tro này hai bên bờ nóng bức, có nhiều gai góc, tối tăm, hãy tìm đường thoát khỏi chốn ấy."

51 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1177. 0316c23).

QUYỂN 43 1305

Bên trong sông tro có người nghe được, liền nương theo tiếng hỏi lại: "Ra theo hướng nào? Ra theo lối nSo?" Trong đó lại có người nói: "Anh đâu cần hỏi ra theo lối nào? Bởi chính người đang nói kia tự mình còn không biết rõ, không thấy được lối nào thoát ra. Anh ta cũng sẽ ở lại sông tro này, hai bên bờ nóng bức, có nhiều gai góc, ở chốn tối tăm này mà trôi theo dòng đi xuống thì hỏi làm gi!" Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Nay Ta sẽ giải thích ý nghĩa của ví dụ này. Tro là chỉ cho ba niệm ác, bất thiện. Những gì là ba? Đó là niệm dục, niệm sân và niệm hại. Sông là chỉ cho ba ái: Dục ái, sắc ái và vô sắc ái. Hai bên bờ nóng bức là chỉ cho sáu nhập xứ bên trong và bên ngoài. Nhiều gai nhọn là chỉ cho năm dục. Chỗ tối tăm là chỉ cho vô minh che đậy tuệ nhãn. Chúng tội nhân là chỉ cho phàm phu mê muội. Dòng là chỉ sanh tử. Trong đó có người không ngu, không si là chỉ cho Đại Bồ-tát. Dùng tay chân làm phương tiện bơi ngược dòng là chỉ cho tinh cần tu học. Lóe thấy một chút ánh sáng nghĩa là được pháp nhãn. Gặp được đất bằng là chỉ cho trì giới. Quan sát bốn phương là chỉ cho thấy được bốn chân đế. Núi đá lớn là chỉ cho chánh kiến. Nước có tám vi là chỉ cho tám chi Thánh đạo. Bảy loài hoa là chỉ cho bảy giác phân. Nhà bôn bậc cáp là chỉ cho bốn như ý túc. Năm trụ có màn che là chỉ cho năm căn: Tín, tấn, niệm, định, tuệ. Thân ngôi ngay thăng là chỉ cho Vô dư Niết-bàn. Hoa rải cùng khắp là chỉ cho các thiên định, giải thoát, tam-muội chánh thọ. Tự do ngôi, năm là chỉ cho đang Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đang Giác. Gió thoi bon be là chỉ cho sự an trú trong pháp hiện tại với bôn thiên. Cát tiêng kêu gọi là chỉ cho chuyên pháp luân. Dưới sông có người hỏi: "Các vị Hiền giả ra theo hướng nào? Ra theo lối nàp?" là chỉ cho Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và các Hiền thánh Tỳ-kheo. ở trong đó có người nói: "Anh đâu cần hỏi ra theo lối nào? Bởi chính người đang nói kia tự mình còn không biết rõ, không thấy được lối nào thoát ra. Anh ta cũng sẽ ở lại sông tro này, hai bên bờ nóng bức, có nhiều gai góc, ở chốn tối tăm này mà trôi theo dòng đi xuống59 là chỉ cho sáu vi tổ sư ngoại đạo tà kiến, đó là Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-ca-lợi Cù-xá-lê tử, Tán-xà-da Tỳ-la-chi tử, A-kỳ-đa Chỉ-xá-khâm-bà-la, Ca-câu-la Ca-đàn-diên? Ni-kiền-liên-đà-xà-đề Phất-đa-la và những người tà kiến khác. Như thế, này các Tỳ-kheo! Đại sư vì các đệ tử làm những việc cần làm, nay Như Lai đã làm xong. Nay các thầy phải làm những việc cần làm, giống như Như Lai đã nói trong Kinh vỉ dụ giỏ ran độc.52 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.53

52 Kinh số 1172. 53 Bản Hán, hết quyển 43.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.